

Số: /PA-HĐBTGPMB

Triệu Sơn, ngày tháng năm 2021

PHƯƠNG ÁN

Bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Quy hoạch chi tiết điểm dân cư Thôn 6, Thôn 7, xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn

Căn cứ Luật Đất đai 29/11/2013;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất; số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017;

Căn cứ các Quyết định của UBND tỉnh Thanh Hóa: số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 về việc ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 4527/QĐ-UBND ngày 17/12/2014 về việc ủy quyền cho UBND các huyện, thị xã, thành phố quyết định thu hồi đất; số 44/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc quy định bảng giá đất thời kỳ 2020-2024 trên địa bàn tỉnh; số 5653/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh; số 473/2017/QĐ-UBND ngày 14/2/2017 về việc quy định mức trích, mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020 về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại cây trồng, vật nuôi làm cơ sở xác định giá trị bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quy định việc xác định giá trị bồi thường; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 về việc sửa đổi tên gọi và một số điều của Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh và Quy định việc xác định giá trị bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 của UBND tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 279/NQ-HĐND ngày 16/6/2020 của HĐND tỉnh về việc chấp thuận bổ sung danh mục các công trình, dự án phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ và quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa đợt 1, năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 06/9/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ văn bản số 4931/UBND-TCKH ngày 01/9/2021 của UBND huyện về việc thông báo giá gạo tẻ để bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện các dự án trên địa bàn huyện Triệu Sơn;

Căn cứ quyết định số 4741/QĐ-UBND ngày 30/08/2021 của Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt mặt bằng quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 điểm dân cư Thôn 6, Thôn 7, xã Dân Quyền, huyện Triệu Sơn;

Căn cứ Trích lục bản đồ địa chính khu đất số 6082/TLKĐ ngày 12/11/2021 tỷ lệ 1/2000 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai huyện Triệu Sơn lập;

Căn cứ số liệu kiểm kê, dự toán bồi thường GPMB và phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án Quy hoạch chi tiết điểm dân cư Thôn 6, Thôn 7, xã Dân Quyền, do Hội đồng GPMB lập;

Hội đồng BTGPMB lập phương án bồi thường GPMB dự án Quy hoạch chi tiết điểm dân cư Thôn 6, Thôn 7, xã Dân Quyền, cụ thể các nội dung như sau:

1. Đối tượng: Các hộ gia đình, cá nhân có đất, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu bị ảnh hưởng bởi dự án.

- Tổng số hộ bị ảnh hưởng: 11 hộ gia đình, cá nhân và UBND xã Dân Quyền.
- Số hộ có đất bị thu hồi: 11 hộ gia đình, cá nhân và UBND xã Dân Quyền.
- Số hộ phải bố trí tái định cư: Không.
- Số lượng mồ mả phải di chuyển: Không.

2. Tổng diện tích đất thu hồi: 10.036,3 m² đất, trong đó đất trồng lúa (LUC): 9.375,1 m², đất thủy lợi (DTL): 47,2 m², đất giao thông (DGT): 614,0 m².

3. Phương án bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng

3.1. Bồi thường Lúa

Áp dụng các Quyết định số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014; số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Thanh Hóa. Đối với các hộ bị thu hồi đất trồng Lúa: Được bồi thường 1 vụ Lúa, đơn giá bồi thường Lúa là: 5.000 đ/m².

3.2. Đối với các hộ gia đình, cá nhân có đất trồng Lúa bị thu hồi thì được bồi thường, hỗ trợ bằng tiền, cụ thể:

- Bồi thường đất trồng Lúa

+ Đơn giá bồi thường, hỗ trợ diện tích đất thu hồi: Áp dụng theo Quyết định số 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019, Quyết định số 5653/QĐ-UBND ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh.

+ Vị trí các thửa đất thu hồi: Vị trí 1.

+ Giá đất bồi thường: 40.000đ/1 m².

- Các chính sách hỗ trợ: Áp dụng các Quyết định: số 3162/2014/QĐ-UBND ngày 26/9/2014 của UBND tỉnh; số 4931/QĐ-UBND ngày 01/9/2021 của UBND huyện; các chính sách hỗ trợ như sau:

+ Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tạo việc làm

Hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất ngoài việc bồi thường bằng tiền 40.000đ/1m² còn được hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp và tìm kiếm việc làm với mức hỗ trợ bằng tiền bằng 1,5 lần giá đất nông nghiệp đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi (40.000 x 1,5 = 60.000đ/1m²).

+ Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất

Các hộ bị thu hồi từ 30% đến 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 6 tháng, mức hỗ trợ cho một khẩu được tính bằng 30 kg gạo tẻ/khẩu/tháng theo giá trung bình thị trường là 12.000 đồng/kg.

Các hộ bị thu hồi trên 70% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng thì được hỗ trợ ổn định đời sống trong thời gian 12 tháng, mức hỗ trợ cho một khẩu được tính bằng 30 kg gạo tẻ/khẩu/tháng theo giá trung bình thị trường là 12.000 đồng/kg.

3.3. Bồi thường, hỗ trợ tài sản vật kiến trúc trên đất: Không.

3.4. Bồi thường cây cối, hoa màu: Áp dụng các Quyết định của UBND tỉnh số 11/2020/QĐ-UBND ngày 20/03/2020; số 08/2021/QĐ-UBND ngày 20/5/2021.

4. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ GPMB: 1.083.388.410 đồng (Một tỉ, không trăm tám ba triệu, ba trăm tám tám nghìn, bốn trăm mười đồng); trong đó:

- Bồi thường về đất:	375.004.000 đồng.
- Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp:	562.506.000 đồng.
- Bồi thường cây cối hoa màu:	46.875.500 đồng.
- Hỗ trợ ổn định đời sống:	77.760.000 đồng.
- Chi phí thực hiện GPMB (2%):	21.242.910 đồng.

(Chi tiết có Biểu tổng hợp kèm theo)

5. Nguồn kinh phí: Do UBND xã Dân Quyền bố trí.

6. Tiến độ thực hiện: Quý IV, năm 2021.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện;
- Các phòng, đơn vị liên quan;
- UBND xã Dân Quyền;
- Lưu: VT, HDGPMB.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

**PCT UBND HUYỆN
Lê Phú Quốc**

BẢNG TỔNG HỢP KINH PHÍ BỒI THƯỜNG HỖ TRỢ GPMB DỰ ÁN
Quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư thôn 6, thôn 7 xã Dân Quyền

(Kèm theo Phương án số: /PA-HĐBTGPMB ngày tháng 11 năm 2021 của Hội đồng BTGPMB huyện Triệu Sơn)

STT	Số hồ sơ	Họ và tên	Địa chỉ (thôn)	Số hiệu tờ bản đồ	Số hiệu thửa đất	Loại đất thu hồi	Diện tích thu hồi (m ²)	Thành tiền (đồng)				Tổng (đồng)
								Bồi thường về đất	Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp	Bồi thường, hỗ trợ cây cối, hoa màu	Hỗ trợ ổn định đời sống	
1	1	Lê Đình Hòa	Thôn 7	21	1396	LUC	1421.6	56,864,000	85,296,000	7,108,000	21,600,000	170,868,000
2	2	Nguyễn Thị Tâm	Thôn 7	21	1418	LUC	874.5	34,980,000	52,470,000	4,372,500	6,480,000	98,302,500
3	3	Lê Xuân Thiết	Thôn 7	21	1417	LUC	739.4	29,576,000	44,364,000	3,697,000	8,640,000	86,277,000
4	4	Lê Xuân Thon	Thôn 8	21	1416	LUC	754.1	30,164,000	45,246,000	3,770,500		79,180,500
5	5	Lê Văn Doanh	Thôn 8	21	1438	LUC	1,344.30	53,772,000	80,658,000	6,721,500	6,480,000	147,631,500
6	6	Lê Huy Công	Thôn 8	21	1467	LUC	625.7	25,028,000	37,542,000	3,128,500	10,800,000	76,498,500
7	7	Lê Thị Nhang	Thôn 8	21	1468	LUC	585.9	23,436,000	35,154,000	2,929,500	2,160,000	63,679,500
8	8	Lê Thị Lanh	Thôn 8	21	1499	LUC	683.3	27,332,000	40,998,000	3,416,500	8,640,000	80,386,500
9	9	Lê Huy Nam	Thôn 8	21	1500	LUC	1794.1	71,764,000	107,646,000	8,970,500	12,960,000	201,340,500
10	10	Lê Hữu Hải	Thôn 8	21	1532	LUC	18.2	728,000	1,092,000	91,000		1,911,000
11	11	Lê Xuân Dũng	Thôn 8	21	1533	LUC	534	21,360,000	32,040,000	2,670,000		56,070,000
12	12	UBND xã Dân Quyền	Xã	21	1557	DTL	47.2	0	0	0	0	0
			Dân Quyền	21	1728	DGT	614.0	0	0	0	0	0
I		Tổng					10036.3	375,004,000	562,506,000	46,875,500	77,760,000	1,062,145,500
II		Chi phí thực hiện GPMB (II)=(I)*2%										21,242,910
III		Tổng cộng (III)=(I)+(II)										1,083,388,410